

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ MAXSTORE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ MAXSTORE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MAXSTORE E-COMMERCE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108803877

**3. Ngày thành lập:** 01/07/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 102 Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0333872656

Fax:

Email: [hiepkd@maxstore.vip](mailto:hiepkd@maxstore.vip)

Website: [maxstore.vip](http://maxstore.vip)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                                                                       | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)                                                                                                                             | 1812     |
| 3.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                  | 2610     |
| 4.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                   | 2620     |
| 5.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                              | 2630     |
| 6.  | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                              | 2651     |
| 7.  | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                                                                                      | 2670     |
| 8.  | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                              | 2710     |
| 9.  | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                         | 2731     |
| 10. | Sản xuất thiết bị điện khác<br>Chi tiết: - Sản xuất chuông điện; - Sản xuất còi báo động; - Sản xuất các thiết bị tín hiệu như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu bộ hành; | 2790     |
| 11. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                  | 3312     |
| 12. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                      | 3314     |
| 13. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                     | 3320     |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                       | 4321     |
| 15. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                         | 4651     |
| 16. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                          | 4652     |
| 17. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                      | 4741     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4791        |
| 19. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5820        |
| 20. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: - Cung cấp truy cập Internet thông qua các mạng kết nối giữa khách hàng và ISP nhưng không do ISP sở hữu và vận hành, như truy cập Internet quay số (dial-up); - Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet);<br>Dịch vụ thương mại điện tử<br>Đại lý dịch vụ viễn thông                                                                       | 6190(Chính) |
| 21. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6201        |
| 22. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6202        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6209        |
| 24. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6311        |
| 25. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6312        |
| 26. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;                                                                                                                                                                                                                                                              | 6399        |
| 27. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6619        |
| 28. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7020        |
| 29. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7310        |
| 30. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7320        |
| 31. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế website, thiết kế đồ họa;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7410        |
| 32. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7490        |
| 33. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu | 7730        |
| 34. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8220        |
| 35. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8230        |

|     |                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; | 8299 |
| 37. | Giáo dục khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy máy tính.                          | 8559 |
| 38. | Hoạt động thư viện và lưu trữ                                                                                                        | 9101 |
| 39. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                            | 9511 |
| 40. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                           | 9512 |
| 41. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                         | 9521 |

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: VŨ VĂN HIỆU

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 14/04/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 142724570

Ngày cấp: 17/01/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thọ Chương, Xã Lam Sơn, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Thọ Chương, Xã Lam Sơn, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: VŨ VĂN HIỆU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/04/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 142724570

Ngày cấp: 17/01/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thọ Chương, Xã Lam Sơn, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Thọ Chương, Xã Lam Sơn, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội